CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 91/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự; trách nhiệm của Thủ trưởng, cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc bảo vệ người tố cáo; quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong tố tụng hình sự, thi hành án hình sự và hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với công dân, cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện quyền tố cáo; cơ quan, đơn vị, cá nhân có hành vi bị tố cáo; cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc giải quyết tố cáo.

2. Việc tố cáo của cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân được áp dụng theo quy định

của Luật tố cáo và Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cán bộ, chiến sỹ Công an" gồm: Sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn kỹ thuật, học viên các trường Công an nhân dân, hạ sỹ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn, công nhân, viên chức, công dân được tạm tuyển và hợp đồng lao động trong Công an nhân dân.

2. "Quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự" là quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội thuộc thẩm quyền của Bộ Công an.

3. "Thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, chiến sỹ Công an" là việc cán bộ, chiến sỹ Công an thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội hoặc khi được phân công.

4. "Người giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân" là cơ quan, đơn vị và cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

5. "Giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân" là việc tiếp nhận, xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và việc xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân.

Chương II
TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁN BỘ, CHIẾN SỸ CÔNG AN TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

Điều 4. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

Công dân, cán bộ, chiến sỹ Công an có quyền tố cáo với cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

1. Trưởng Công an phường, thị trấn, Trưởng đồn, trạm Công an (gọi chung là Trưởng Công an cấp phường) giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ Công an thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình, trừ Phó Trưởng Công an cấp phường.

2. Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Trưởng Công an cấp huyện) giải quyết tố cáo đối với Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp phường và cán bộ, chiến sỹ giữ chức vụ từ Đội trưởng và tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

3. Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh) hoặc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ giữ chức vụ từ Đội trưởng và tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Công an cấp tỉnh và Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp huyện;

Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy giải quyết tố cáo đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương thuộc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

5. Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục hoặc Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ giữ chức vụ từ Đội trưởng và tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

6. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ giữ chức vụ từ Trưởng phòng trở xuống thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình.

7. Tổng cục trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị cấp tương đương giải quyết tố cáo đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và cán bộ giữ chức vụ tương đương cấp phòng tại Cục, đơn vị trực thuộc Tổng cục.

8. Bộ trưởng giải quyết tố cáo đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cấp Tổng cục hoặc tương đương; cấp Vụ, Cục trực thuộc Bộ; cấp Cục trực thuộc Tổng cục hoặc tương đương; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc chuyên viên cấp cao do Bộ trưởng trực tiếp quản lý (nếu có).

9. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, chiến sỹ Công an thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị Công an do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sỹ Công an bị tố cáo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết.

Điều 6. Tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo

1. Thủ trưởng Công an các cấp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hoặc phân công cán bộ thuộc quyền quản lý tiếp nhận tố cáo của công dân, cán bộ, chiến sỹ Công an;

b) Bố trí Trụ sở hoặc địa điểm, cán bộ tiếp công dân để tiếp nhận tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến tố cáo.

2. Thanh tra Công an hoặc người được Thủ trưởng Công an các cấp phân công tiếp nhận tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến tố cáo có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp tiếp nhận, phân loại, đề xuất biện pháp xử lý thông tin tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Không xem xét, thụ lý giải quyết tố cáo các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật tố cáo.

4. Khi nhận được đơn tố cáo ghi rõ họ, tên, địa chỉ, có chữ ký trực tiếp hoặc điểm chỉ của người tố cáo thì người tiếp nhận tố cáo trong Công an nhân dân phân loại, xử lý theo quy định tại Khoản 1 và 4 Điều 20 Luật tố cáo. Nếu xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì chuyển đơn tố cáo và các tài liệu có liên quan kèm theo (nếu có) cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quá thời hạn mà tố cáo không được giải quyết hoặc có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật thì chuyển đến Thủ trưởng Công an cấp trên trực tiếp của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 27 Luật tố cáo.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo

Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, Khoản 1 Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 của Luật tố cáo, Khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

Chương III
TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ

Điều 8. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Điều 9. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh

trật tự thuộc phạm vi quản lý được giao. Các cơ quan, đơn vị Công an khác liên quan có trách nhiệm phối hợp.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong công an nhân dân có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự thuộc phạm vi quản lý được giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan khác ngoài Công an nhân dân, Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải trao đổi với cơ quan chức năng có liên quan để thống nhất việc phân công chủ trì, phối hợp giải quyết tố cáo. Nếu không thống nhất được thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan Công an cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

4. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo

Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, Khoản 1 Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 33 của Luật tố cáo, Khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự thì việc xử lý hành vi vi phạm đó còn phải tuân thủ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay

1. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Cán bộ, chiến sỹ Công an hoặc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong Công an nhân dân tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;

b) Trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình thì cán bộ, chiến sỹ Công an tiếp nhận tố cáo phải trực tiếp tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng biện pháp cần thiết để đình chỉ hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật (nếu có); việc kiểm tra thông tin về người tố cáo được thực hiện trong trường hợp người giải quyết tố cáo thấy cần thiết cho quá trình xử lý hành vi bị tố cáo;

c) Thủ trưởng, cán bộ, chiến sỹ Công an giải quyết tố cáo ra quyết định xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ vụ việc tố cáo được lập chung cùng hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV
CÔNG KHAI KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT BỊ TỐ CÁO; TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO

Điều 12. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công bố công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo như sau:

1. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, chiến sỹ đó công tác, thành phần gồm: Người giải quyết tố cáo; người xác minh nội dung tố cáo; cán bộ, chiến sỹ bị tố cáo; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi có cán bộ, chiến sỹ bị tố cáo công tác và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Trước khi tiến hành cuộc họp công khai, người có thẩm quyền phải có văn bản thông báo cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo phải trước 3 ngày làm việc.

2. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự, việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo thực hiện bằng một trong các hình thức quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo. Việc công khai phải bảo đảm bí mật thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước của ngành Công an.

Điều 13. Trách nhiệm của người giải quyết tố cáo, Thủ trưởng, cán bộ, chiến sỹ Công an trong việc bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo

1. Trong quá trình giải quyết tố cáo, người giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo theo quy định tại các Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39 của Luật tố cáo, các quy định tại

Chương III Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi nhận được yêu cầu của người tố cáo hoặc người giải quyết tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, Thủ trưởng, cán bộ, chiến sỹ Công an các cấp có trách nhiệm áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo.

Chương V
QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 14. Quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân

1. Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình.

Thanh tra Bộ Công an giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sỹ trong toàn lực lượng Công an nhân dân; theo dõi kết quả giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

2. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cấp trên trực tiếp về việc quản lý công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 15. Báo cáo công tác giải quyết tố cáo

1. Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chính phủ.

2. Thủ trưởng Công an các cấp báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an về công tác giải quyết tố cáo trong công an nhân dân.

2. Tổng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Bộ trưởng Bộ Công an đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết lại.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng